Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Social Sciences & Humanities 2024, 8(3):2632-2640

Open Access Full Text Article

Bài nghiên cứu

Đặc điểm định danh trong từ ngữ nghề nghiệp của nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam

Ngô Thị Thu Hương*

TÓM TẮT

Bài nghiên cứu này tìm hiểu đặc điểm định danh trong từ ngữ nghề nghiệp của nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam dưới góc nhìn của ngôn ngữ học cấu trúc. Phương pháp sử dụng trong bài viết là phương pháp thống kê mô tả và mô hình hóa dữ liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 1) Về mặt cấu trúc định danh, từ ngữ nghề làm lồng đèn chủ yếu có mô hình cấu trúc định danh phức hợp (yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc). Điều này thể hiện nhu cầu phân biệt đối tượng nhiều hơn nhu cầu chi tiết hóa đối tượng xuất hiện trong nghề; 2) Về mặt phương thức định danh, từ ngữ nghề làm lồng đèn chủ yếu có phương thức định danh trực tiếp với những đặc điểm thuộc bản thể của đối tượng xuất hiện trong nghề (đặc điểm về hình dáng, kích thước có số lượng nhiều nhất). Điều này đã thể hiện tư duy trực quan của những người thợ làm nghề đèn lồng khi họ sử dụng những thuộc tính có thể nhận biết được thông qua thị giác để định danh đối tượng trong nghề. Những từ ngữ có phương thức định danh gián tiếp không nhiều, chúng được hình thành thông qua việc ẩn dụ/ hoán dụ những thuộc tính của bộ phận cơ thể người cũng như của các đối tượng thuộc nền văn hóa nông nghiệp địa phương. Tóm lại, nghiên cứu này đã tìm được các mô hình cấu trúc định danh và các phương thức định danh trong từ ngữ nghề nghiệp của nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Một mặt, những phát hiện của nghiên cứu này đã chứng minh tư duy trực quan và tư duy dĩ nhân vi trung của những người thợ làm nghề đèn lồng đó. Mặt khác, những phát hiện của nghiên cứu này cũng đã chứng minh ảnh hưởng của văn hóa nông nghiệp địa phương đến cách thức định danh từ ngữ nghề nghiệp của những người thợ ở nơi đây.

Từ khoá: đặc điểm định danh, cấu trúc định danh, phương thức định danh, từ ngữ nghề nghiệp, nghề làm đèn lồng

Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Việt Nam

Liên hệ

Ngô Thị Thu Hương, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Việt Nam

Email: ngohuong.vtd@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 01-3-2024
- Ngày sửa đổi: 06-9-2024
- Ngày chấp nhận: 23-9-2024
- Ngày đăng: 30-9-2024

DOI :

https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i3.994

Check for updates

Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

VNUHCM PRESS

MỞ ĐẦU

Mỗi cộng đồng khác nhau có những kinh nghiệm, nhận thức khác nhau về các đối tượng xuất hiện trong quá trình lao động sản xuất của mình. Những kinh nghiệm, nhận thức khác nhau đó được phản ánh vào ngôn ngữ và hình thành nên lớp từ ngữ nghề nghiệp (TNNN). Lớp từ ngữ này được sử dụng hạn chế và mang đậm đặc trưng văn hóa của mỗi cộng đồng làm nghề [1]. Vì thế, nghiên cứu về định danh (gọi tên) (TNNN) nói chung, đặc biệt là định danh từ ngữ được sử dụng trong các nghề truyền thống nói riêng, có vai trò quan trọng trong việc tìm hiểu đặc trưng văn hóa, tư duy của cộng đồng làm nghề đó.

Định danh trong TNNN cụ thể chưa được nghiên cứu nhiều, có thể kể đến một số công trình như: *Từ ngữ nghề nghiệp nghề gốm Quế* [2], *Nghiên cứu từ ngữ và văn hóa nghề biển Thanh - Nghệ Tĩnh* [3], *Từ ngữ nghề nghiệp nghề biển ở Thanh Hóa (từ bình diện ngôn ngữ - văn hóa)* [4], *Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp nghề cá vùng Đồng Tháp Mười* [5], *Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp ở Quảng Nam - Đà Nẵng* [1]... Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu về định danh từ ngữ nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi tắt là từ ngữ nghề làm lồng đèn) trong khi đây là một trong những nghề vừa có bề dày truyền thống cũng như vừa có đặc trưng văn hóa của cư dân sở tại [6]. Do đó, nghiên cứu này tìm hiểu cách thức định danh của các từ ngữ nghề làm lồng đèn ở Hội An, tỉnh Quảng Nam để thấy được văn hóa của người lao động nơi đây trong việc gọi tên các đối tượng xuất hiện trong quá trình lao động sản xuất. Qua đó, nghiên cứu hướng đến việc phục vụ công tác bảo tồn, quảng bá và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của các nghề truyền thống nói chung, nghề truyền thống ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam nói riêng - một trong những điểm đến du lịch văn hóa nổi tiếng ở Việt Nam, nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng làm nghề này.

NỘI DUNG CHÍNH

Một số khái niệm và phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu

Trích dẫn bài báo này: Hương N T T. **Đặc điểm định danh trong từ ngữ nghề nghiệp của nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam**. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; 8(3):2632-2640.

Một số khái niệm được sử dụng trong nghiên cứu

Khái niệm định danh

Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng quan điểm của G. V. Cônsansky, định danh chính là sự gán một ký hiệu ngôn ngữ vào một khái niệm (biểu niệm) phản ánh những đặc trưng nhất định của một biểu vật (các thuộc tính, phẩm chất và quan hệ của các đối tượng và các quá trình) thuộc phạm vi vật chất cũng như tinh thần [dẫn theo[7], tr.164]. Đồng thời, chúng tôi cũng sử dụng quan điểm của Nguyễn Đức Tồn khi cho rằng quá trình hình thành đơn vị ngôn ngữ để định danh hay gọi tên đối tượng chính là vấn đề lựa chọn những đặc trưng nhất định, có giá trị khu biệt nó với những đối tượng cùng loại khác để làm cơ sở cho việc gọi tên đối tượng [[7], tr.84].

Mặt khác, có thể thấy, trong các ngôn ngữ đơn lập, phân tích tính như tiếng Việt, từ đơn là đơn vị từ vựng vừa nhỏ nhất có nghĩa, vừa có khả năng hoạt động độc lập. Loại đơn vị ngôn ngữ này biểu thị những sự vật, hiện tượng hay quá trình nhất định. Chúng được con người nhận thức và gán cho nó một ý nghĩa biểu niệm nhất định mà hiện tại, người ta chưa hoặc khó tìm ra được lý do định danh cho những đơn vị ngôn ngữ đó. Vì thế, trong các công trình nghiên cứu về định danh ngôn ngữ hiện nay, hầu như các tác giả chỉ nghiên cứu những đơn vị ngôn ngữ có những thành tố đã rõ nghĩa. Bởi vì, sau khi cộng đồng nhất định tiếp xúc với một khách thể mới, họ đã tìm hiểu và vạch ra một loạt đặc trưng nào đó vốn có trong nó. Tiếp đến, họ chọn những đặc trưng nào mà họ thấy là tiêu biểu, dễ khu biệt nó với đối tượng khác để làm cơ sở định danh. Tuy nhiên, mỗi cộng đồng khác nhau sẽ lựa chọn những đặc trưng khác nhau để làm cơ sở gọi tên - định danh cho nó. Như vậy, việc định danh những sự vật, hiện tượng hay quá trình nói chung, và đối tượng xuất hiện trong một nghề cụ thể nào đó nói riêng, vừa mang tính chủ quan của mỗi cộng đồng làm nghề, vừa chịu áp lực từ hệ thống ngôn ngữ khi đặt tên các sự vật, hiện tượng xuất hiện trong nghề.

Khái niệm cấu trúc định danh

Nghiên cứu này sử dụng khái niệm cấu trúc định danh trên cơ sở những nghiên cứu về định danh các đơn vị trong ngôn ngữ nói chung, nghiên cứu về định danh trong TNNN nói riêng[1,4,5]. Trong nghiên cứu về cấu trúc định danh, người ta thường chia làm hai loại: cấu trúc định danh đơn giản (còn được gọi là cấu trúc định danh cơ bản) và cấu trúc định danh phức hợp (còn được gọi là cấu trúc định danh phái sinh). Cấu trúc định danh đơn giản là cấu trúc định danh chỉ có một yếu tố cơ sở. Yếu tố cơ sở này thường là đơn vị từ vựng nhỏ nhất có nghĩa và có khả năng hoạt động độc lập để tạo nên những đơn vị ngôn ngữ lớn hơn như cụm từ/ ngữ hoặc câu; cụ thể trong tiếng Việt là từ đơn. Trong khi đó, cấu trúc định danh phức hợp là cấu trúc định danh kết hợp giữa yếu tố cơ sở với một hoặc một số yếu tố định danh. Càng nhiều yếu tố định danh tham gia vào cấu trúc định danh phức hợp thì đối tượng càng được định danh một cách chi tiết và ngược lại. Có thể thấy, cấu trúc định danh phức hợp có thể giải thích được lý do của việc định danh các đơn vị ngôn ngữ.

Khái niệm phương thức định danh

Khái niệm phương thức định danh được chúng tôi kế thừa từ thành quả nghiên cứu về định danh các đơn vị ngôn ngữ[1,3–5,7]. Theo những nghiên cứu này, dựa trên cơ sở tính chất của mối liên hệ giữa đặc trưng hay đặc điểm của đối tượng định danh với đặc tính tri giác của chủ thể định danh, người ta chia phương thức định danh làm hai loại: phương thức định danh trực tiếp và phương thức định danh gián tiếp. Phương thức định danh trực tiếp là cách thức định danh dựa vào đặc trưng hay đặc điểm của đối tượng được gọi tên. Trong những đặc trưng hay đặc điểm đó, có những loại thuộc bản thể và những loại ngoài bản thể. Những đặc trưng hay đặc điểm thuộc bản thể của đối tượng được định danh là những đặc điểm về màu sắc, hình dáng, mùi vị, giới tính,... của đối tượng định danh. Những đặc trưng hay đặc điểm ngoài bản thể của đối tượng được định danh là những đặc điểm về mục đích, quy mô, thời gian, vị trí,... được chủ thể nhận thức gán cho đối tượng định danh. Lối định danh này cho thấy mối liên hệ trực tiếp giữa những đặc trưng hay đặc điểm định danh của đối tượng được gọi tên với đặc tính tri giác đối tượng của chủ thể định danh. Trong khi đó, phương thức định danh gián tiếp là cách thức định danh dựa trên hiện tượng chuyển nghĩa của từ thông qua việc ẩn dụ/ hoán dụ những thuộc tính của đối tượng được liên tưởng để định danh TNNN. Phương thức định danh này cho thấy mối liên hệ gián tiếp giữa đặc trưng hay đặc điểm định danh của đối tượng định danh với đặc tính tri giác của chủ thể định danh.

Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp điều tra điền dã với công cụ nghiên cứu là phỏng vấn sâu để thu thập TNNN được sử dụng trong nghề làm lồng đèn. Đối tượng phỏng vấn sâu trong nghiên cứu này là những người thợ, những nghệ nhân làm lồng đèn có kinh nghiệm và có tay nghề cao. Nội dung phỏng vấn sâu gồm những thông tin liên quan đến nghề làm lồng đèn ở Hội An như: công

cụ, nguyên liệu, hoạt động, tên sản phẩm,… được sử dụng trong nghề. Nhóm tác giả đã sử dụng những thông tin được cung cấp đó làm dữ liệu phân tích trong nghiên cứu.

Mặt khác, nghiên cứu này sử dụng phương pháp thống kê mô tả 41 đơn vị từ ngữ được sử dụng trong nghề làm lồng đèn. Đây là những đơn vị từ ngữ mà chúng tôi thu thập được sau khi thực hiện phỏng vấn sâu. Đồng thời, nghiên cứu còn sử dụng thủ pháp mô hình hóa nhằm khái quát các mô hình cấu trúc định danh để giúp người đọc có thể hình dung rõ hơn về cách thức định danh của từ ngữ nghề làm lồng đèn, cũng như giúp họ thấy được tư duy và văn hóa được thể hiện qua ngôn ngữ của cộng đồng làm nghề.

Kết quả nghiên cứu

Cấu trúc định danh

Từ ngữ nghề làm lồng đèn được chúng tôi xếp vào hai nhóm: nhóm từ ngữ có cấu trúc định danh đơn giản và nhóm từ ngữ có cấu trúc định danh phức hợp, có số lượng và tỉ lệ như ở Bảng 1.

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy từ ngữ nghề làm lồng đèn có cấu trúc định danh đơn giản có số lượng và tỉ lệ ít (có 3/41 đơn vị, chiếm 7,3%) (xem Bảng 1). Đây là những đơn vị ngôn ngữ được cấu tạo bởi yếu tố cơ sở (yếu tố mang nghĩa chỉ loại), chẳng hạn: *họng* (đèn), *râu* (đèn), *sườn* (đèn). Đây là những đơn vị ngôn ngữ chỉ bộ phận của cơ thể người và động vật, thuộc nhóm từ vựng cơ bản trong mỗi một ngôn ngữ nói chung, tiếng Việt nói riêng. Những đơn vị ngôn ngữ này có thể cấu tạo thành những từ ngữ có cấu trúc phức tạp hơn, chẳng hạn như *sườn* có thể được ghép với *ráp* thành *ráp sườn* (biểu thị công đoạn định hình cho sản phẩm trước khi *dán vải*) … Theo kết quả phân tích, những từ ngữ có cấu trúc định danh đơn giản hoàn toàn thuộc nhóm từ ngữ về đặc điểm cấu tạo của sản phẩm trong nghề làm lồng đèn (xem Hình 1). Trong khi đó, những từ ngữ nghề làm lồng đèn có cấu trúc định danh phức hợp có số lượng lớn (38/41 đơn vị, chiếm khoảng 92,7%) (xem Bảng 1). Đây là những từ ngữ được cấu tạo bởi yếu tố cơ sở kết hợp với một hoặc nhiều yếu tố định danh (mô hình cấu trúc 2 và mô hình cấu trúc 3). Từng loại từ ngữ nghề làm lồng đèn có cấu trúc định danh phức hợp được thể hiện ở Bảng 2.

Từ ngữ nghề làm lồng đèn có mô hình cấu trúc định danh 2 là những từ ngữ được định danh trên cơ sở kết hợp giữa yếu tố cơ sở với yếu tố định danh 1 bậc để khu biệt các sự vật, hiện tượng hay quá trình làm lồng đèn, chẳng hạn: *vót nan, dán vải, giấy gương, giấy trong, giấy bìa*, …

Từ ngữ nghề làm lồng đèn có mô hình cấu trúc định danh 3 là những từ ngữ được định danh trên cơ sở kết hợp giữa yếu tố cơ sở với yếu tố định danh 2 bậc, khu biệt các sự vật, hiện tượng hay quá trình làm lồng đèn chẳng hạn: *lồng đèn quả cà na*[a] *, lồng đèn củ tỏi, lồng đèn quả táo*, …

Kết quả thống kê ở Bảng 2 cho thấy, từ ngữ nghề làm lồng đèn có mô hình cấu trúc định danh 2 chiếm số lượng nhiều hơn mô hình cấu trúc định danh 3. Điều này cho thấy, nhu cầu phân biệt nhiều hơn nhu cầu chi tiết hóa các sự vật, hiện tượng hay quá trình (đối tượng trong nghề) của những người trong nghề làm lồng đèn.

Mặt khác, từ ngữ nghề làm lồng đèn có cấu trúc định danh phức hợp được phân bố ở hầu hết các nội dung biểu thị (có 5/6 nhóm từ ngữ có cấu trúc định danh phức hợp), đặc biệt là nhóm từ ngữ biểu thị tên sản phẩm (có 16/38 đơn vị, chiếm 42,1%) và thao tác/ công đoạn sản xuất (có 11/38 đơn vị, chiếm 26,8%),… (xem hình 1). Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu chi tiết hóa của mỗi nhóm từ ngữ được sử dụng trong nghề làm lồng đèn: nhóm từ ngữ biểu thị tên sản phẩm như *lồng đèn quả cà na, lồng đèn chùa Cầu, lồng đèn Phước Lộc Thọ, lồng đèn củ tỏi,...* có nhu cầu chi tiết hóa nhiều hơn nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/ công đoạn trong nghề như: *chạy chỉ, xâu nan, ráp sườn*,…

Kết quả nghiên cứu này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu định danh TNNN nghề chạm khắc đá Non Nước (Đà Nẵng), khi số lượng các đơn vị từ ngữ có cấu trúc định danh phức hợp nhiều hơn những đơn vị có cấu trúc định danh đơn giản. Tuy nhiên, điểm khác biệt trong cấu trúc định danh của TNNN nghề làm lồng đèn Hội An với TNNN nghề chạm khắc đá Non Nước (Đà Nẵng) là: TNNN nghề chạm khắc đá Non Nước có ba mô hình cấu trúc định danh phức hợp trong khi TNNN nghề làm lồng đèn có hai mô hình cấu trúc định danh phức hợp. Điều này cho thấy TNNN nghề chạm khắc đá Non Nước có nhu cầu chi tiết hóa đối tượng trong nghề nhiều hơn TNNN nghề làm lồng đèn. Mặt khác, TNNN nghề chạm khắc đá Non Nước có sự chênh lệch lớn về tỉ lệ từ ngữ có mô hình cấu trúc định danh phức hợp: mô hình cấu trúc định danh 2 chiếm 78,1%), mô hình cấu trúc định danh 3 chiếm 20,3%, mô hình cấu trúc định danh 4 chiếm 1,6%[8]. Trong khi đó, TNNN nghề làm lồng đèn không có sự chênh lệch lớn về tỉ lệ từ ngữ có mô hình cấu trúc định danh phức hợp: những từ ngữ có cấu trúc định danh 2 chiếm 57,9%, nhiều hơn cấu trúc định danh 3, chiếm 42,1% (xem Bảng 2). Điều này cho thấy, nghề làm lồng đèn Hội An tuy có nhu cầu phân biệt đối tượng trong nghề nhiều hơn nhu cầu chi tiết hóa đối tượng trong nghề, nhưng nhu cầu chi tiết hóa đối tượng trong nghề cũng không phải là nhỏ.

[a]Cà na: cây to, thân thẳng, lá kép lông chim, quả hình thoi như quả trám, có thể muối làm thức ăn [9, tr.97].

Bảng 1: Mô hình cấu trúc định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn (Nguồn:[1])

STT	Cấu trúc định danh	Mô hình định danh	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Định danh đơn giản	yếu tố cơ sở (mô hình cấu trúc 1)	sườn, họng, râu	3	7,3
2	Định danh phức hợp	yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc (mô hình cấu trúc 2)	dán vải, ráp sườn, chạy chỉ, giấy gương, giấy bìa,…	38	92,7
		yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 2 bậc (mô hình cấu trúc 3)	lồng đèn quả cà na, lồng đèn quả táo, lồng đèn bánh ú,…		
	Tổng			41	100

Bảng 2: Mô hình cấu trúc định danh phức hợp trong từ ngữ nghề làm lồng đèn (Nguồn:[1])

STT	Mô hình cấu trúc định danh	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Mô hình cấu trúc 2	giấy bìa, giấy trong, giấy gương, …	22	57,9
2	Mô hình cấu trúc 3	lồng đèn quả táo, lồng đèn quả cà na, lồng đèn quả bí, lồng đèn củ tỏi, ...	16	42,1
	Tổng		38	100

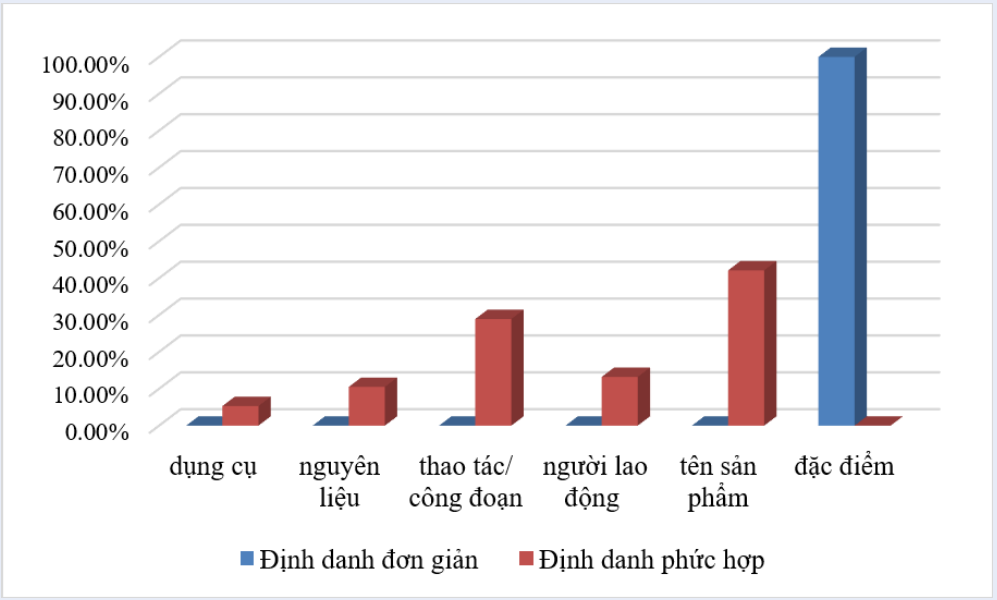

Hình 1: Cấu trúc định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn (Nguồn:[1])

Phương thức định danh

Phân tích phương thức định danh của 41 từ ngữ nghề làm lồng đèn cho thấy, số lượng từ ngữ được định danh theo phương thức định danh trực tiếp nhiều hơn định danh theo phương thức gián tiếp (xem Bảng 3). Những từ ngữ nghề làm lồng đèn có phương thức định danh trực tiếp chiếm số lượng lớn trong số từ ngữ mà chúng tôi khảo sát (có 27/41 đơn vị, chiếm 65,9%). Trong đó, nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/ công đoạn có phương thức định danh trực tiếp chiếm số lượng lớn (có 10/11 đơn vị, chiếm 90,9%), chẳng hạn: *ráp sườn, dán vải,…*; nhóm từ ngữ biểu thị sản phẩm có phương thức định danh trực tiếp chiếm số lượng lớn (có 8/8 đơn vị, chiếm 100%), chẳng hạn: *lồng đèn gỗ, lồng đèn sắt,...* (xem Hình 2).

Kết quả phân tích dữ liệu nghiên cứu cho thấy, từ ngữ nghề làm lồng đèn có đặc trưng thuộc bản thể của đối tượng định danh có số lượng và tỉ lệ ít hơn từ ngữ nghề làm lồng đèn có đặc trưng ngoài bản thể của đối tượng định danh. Tuy nhiên, sự chênh lệch về số lượng và tỉ lệ giữa hai nhóm từ ngữ này không nhiều (xem Bảng 4). Điều này cho thấy tư duy trực quan của người thợ làm nghề lồng đèn ở Quảng Nam trong việc định danh TNNN.

Cũng theo kết quả phân tích dữ liệu cho thấy, mỗi nhóm từ ngữ biểu thị nội dung khác nhau có đặc trưng định danh khác nhau, cụ thể là, những đặc trưng ngoài bản thể của đối tượng định danh được sử dụng trong tất cả các nhóm từ ngữ trong khi những đặc trưng thuộc bản thể của đối tượng định danh được sử dụng trong một số nhóm từ ngữ: nhóm từ ngữ biểu thị đặc điểm của đối tượng biểu thị, nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu, nhóm từ ngữ biểu thị tên sản phẩm, nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/ công đoạn sản xuất (xem Hình 3). Trong đó, nhóm từ ngữ có đặc điểm định danh về hình dáng, kích thước có số lượng và tỉ lệ nhiều nhất (có 10/41 đơn vị, chiếm 37%) (xem Bảng 5). Điều này cho thấy lối tư duy trực quan của người làm nghề đèn lồng ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam trong việc định danh đối tượng trong nghề.

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy từ ngữ nghề làm lồng đèn sử dụng 6 đặc điểm định danh (hình dáng, kích thước; chất liệu; tính chất; nguồn gốc; cách thức hoạt động; đối tượng tác động) để định danh cho 5 nội dung biểu thị (biểu thị dụng cụ, nguyên liệu, thao tác/ công đoạn, người lao động, sản phẩm). Trong đó, nhóm từ ngữ sử dụng đặc điểm định danh về hình dáng, kích thước có số lượng lớn nhất (có 10/27 đơn vị, chiếm 37,04%), đặc điểm định danh về cách thức hoạt động (có 6/27 đơn vị, chiếm 22,22%) và đặc điểm định danh về tính chất có số lượng ít nhất (có 1/27 đơn vị, chiếm 3,7%), … (xem Bảng 5).

Phân tích dữ liệu cho thấy có sự phân bố khác nhau về đặc điểm định danh của mỗi nhóm từ ngữ được sử dụng trong nghề làm lồng đèn, chẳng hạn đặc điểm chất liệu có ở nhóm từ ngữ biểu thị tên sản phẩm; đặc điểm hình dáng, kích thước có ở nhóm từ ngữ biểu thị tên sản phẩm, thao tác/ công đoạn; đặc điểm tính chất chỉ có ở nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu cũng như đặc điểm chất liệu chỉ có ở nhóm từ ngữ biểu thị sản phẩm; … (xem Hình 4).

Bên cạnh những từ ngữ được định danh bằng phương thức định danh trực tiếp, từ ngữ nghề làm lồng đèn còn có những đơn vị sử dụng phương thức định danh gián tiếp (có 14/41 đơn vị, chiếm 34,1%) (xem Bảng 3). Đó là việc ẩn dụ những thuộc tính vị trí của bộ phận cơ thể người và động vật để định danh vị trí của bộ phận sản phẩm lồng đèn: *sườn* (đèn), *họng* (đèn),… Với phương thức ẩn dụ lấy con người làm trung tâm (dĩ nhân vi trung), những người làm nghề làm lồng đèn sử dụng thuộc tính hình thức "có dạng ống tròn" ở từ *họng;* thuộc tính "có dạng sợi, dài" ở từ *râu*,...[9] để liên tưởng tới chi tiết của sản phẩm lồng đèn như *họng* (đèn), *râu* (đèn), ... Ngoài ra, những người làm nghề lồng đèn còn thông qua sự liên tưởng các thuộc tính của đối tượng thuộc nền văn hóa nông nghiệp ở địa phương để định danh đối tượng trong nghề, chẳng hạn người làm lồng đèn gọi tên những sản phẩm có hình dạng "cong dần đều" (trông giống quả táo) là *lồng đèn quả táo,* gọi tên những sản phẩm có hình dạng "phần phía trên thu nhỏ, phình dần về phía dưới" (trông giống củ tỏi) là *lồng đèn củ tỏi.* Đặc biệt với những sản phẩm có hình dạng "hai đầu nhỏ, phần giữa phình ra (trông giống hình thoi hay hình quả trám), người thợ làm nghề lồng đèn gọi là *lồng đèn quả cà na* (một loại quả nhọn hai đầu, thường có ở khu vực miền Trung Việt Nam). Hay với loại lồng đèn "hình tháp, có bốn góc" (trông một loại bánh ở miền Trung Việt Nam), người làm lồng đèn gọi là *lồng đèn bánh ú,*… Qua đó, có thể thấy cách thức người làm nghề lồng đèn định danh gián tiếp các đối tượng xuất hiện trong nghề: thông qua việc ẩn dụ những thuộc tính thuộc bộ phận cơ thể người và động vật cũng như ẩn dụ/ hoán dụ những thuộc tính của các đặc sản nông nghiệp địa phương của cư dân sở tại. Điều này không những cho thấy tư duy "dĩ nhân vi trung" của người làm nghề lồng đèn mà còn cho thấy ảnh hưởng của văn hóa nông nghiệp địa phương đến từ ngữ của người làm nghề lồng đèn ở Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Nghiên cứu về cách thức định danh của TNNN của một số nghề truyền thống cho thấy TNNN nghề làm lồng đèn Hội An có sự tương đồng với TNNN một số nghề truyền thống khác: có phương thức định danh trực tiếp nhiều hơn phương thức định danh gián tiếp.

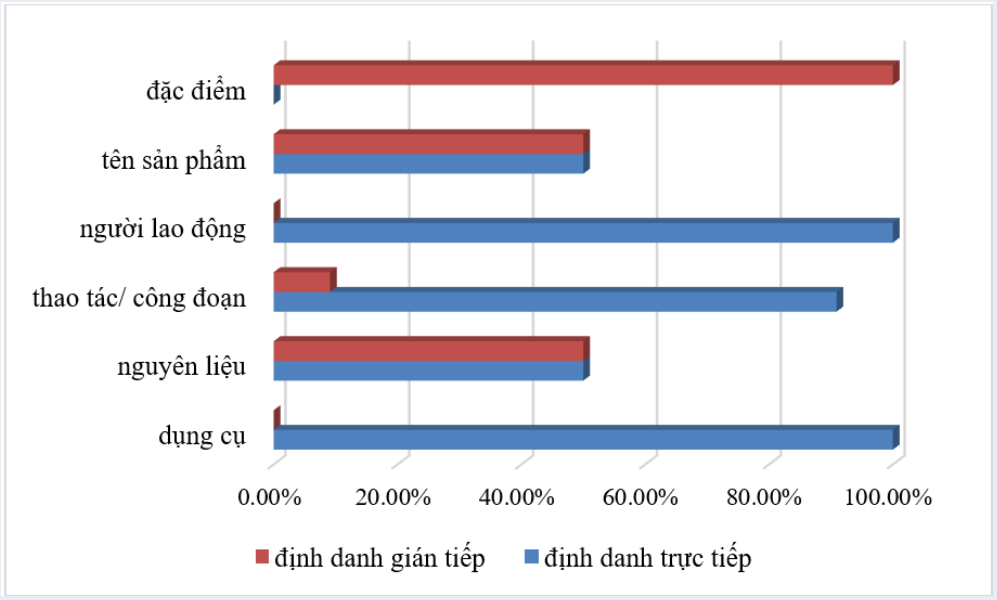

Hình 2: Phương thức định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn (Nguồn: [1])

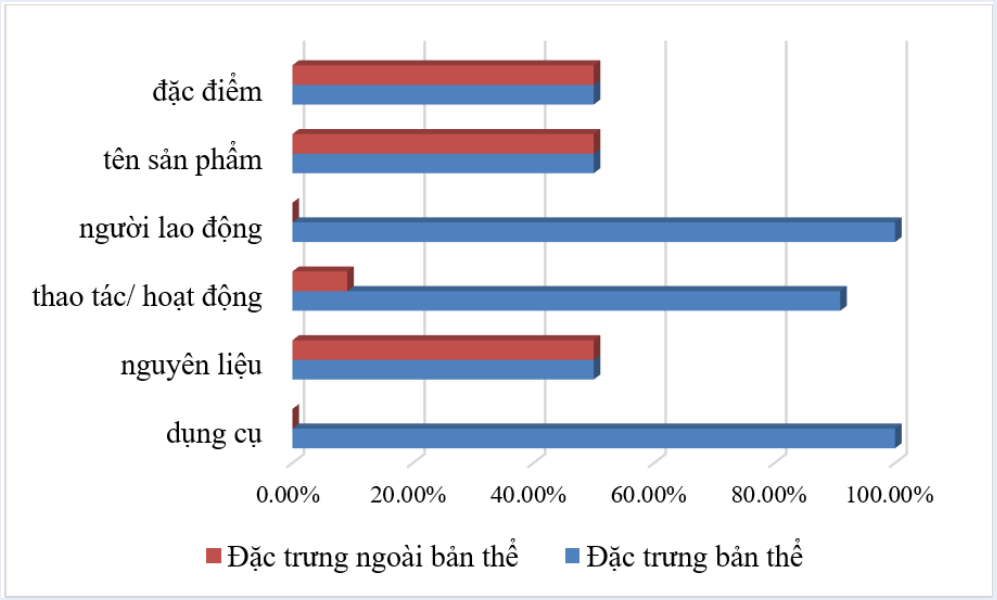

Hình 3: Đặc trưng định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn. Nguồn: [1]

Bảng 3: Phương thức định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn (Nguồn:[1])

STT	Phương thức định danh	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Định danh trực tiếp	thợ lắp ráp, thợ dán, thợ vót nan,…	27	65,9
2	Định danh gián tiếp	chạy chỉ, sườn, họng, râu,…	14	34,1
	Tổng		41	100

Bảng 4: Đặc trưng định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn. (Nguồn:[1])

STT	Đặc trưng định danh	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Đặc trưng thuộc bản thể	lồng đèn sắt, lồng đèn vuông, lồng đèn gỗ, lồng đèn tre,…	14	51,9
2	Đặc trưng ngoài bản thể	len công nghiệp, máy tự chế,…	13	48,1
	Tổng		27	100

Bảng 5: Đặc điểm định danh của từ ngữ nghề làm lồng đèn. (Nguồn:[1])

STT	Đặc điểm định danh	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
1	Hình dáng, kích thước	10	37,04	lồng đèn vuông, lồng đèn hình bánh ú, lồng đèn quả cà na...
2	Tính chất	1	3,7	giấy trong
3	Chất liệu	3	11,11	lồng đèn tre, lồng đèn sắt, lồng đèn gỗ,…
4	Cách thức, hoạt động	6	22,22	thợ vót nan, thợ tiện...
5	Nguồn gốc	2	7,41	len công nghiệp, máy tự chế
6	Đối tượng tác động	5	18,52	dán vải, bỏ sắt, cột dây…
	Tổng	27	100	

Tuy nhiên, TNNN của mỗi nghề khác nhau có những đặc điểm định danh khác nhau: TNNN nghề làm lồng đèn có 6 đặc điểm định danh, trong khi TNNN nghề chạm khắc đá Non Nước có 11 đặc điểm định danh[8], TNNN nghề gốm Thanh Hà (Quảng Nam) có 11 đặc điểm định danh[1], TNNN nghề cá Đồng Tháp Mười có 8 đặc điểm định danh thuộc nhóm các cơ sở định danh chung và 11 đặc điểm định danh thuộc nhóm các cơ sở định danh riêng[5],… Điều này cho thấy TNNN nghề làm lồng đèn có tính thống nhất, song cũng có tính riêng biệt với cách thức định danh của TNNN một số ngành nghề truyền thống khác.

KẾT LUẬN

Tóm lại, nghiên cứu cấu trúc định danh của từ ngữ nghề làm lồng đèn cho thấy, TNNN chủ yếu có cấu trúc định danh phức hợp gồm: yếu tố cơ sở kết hợp với yếu tố định danh 1 bậc. Các TNNN có cấu trúc khác không nhiều. Điều này cho thấy người làm lồng đèn có nhu cầu phân biệt loại đối tượng xuất hiện trong nghề nhiều hơn nhu cầu chi tiết hóa những đối tượng đó. Mặt khác, nghiên cứu phương thức định danh của từ ngữ nghề làm lồng đèn cũng cho thấy, TNNN chủ yếu có phương định danh trực tiếp với các đặc điểm thuộc bản thể của đối tượng định danh. Điều này cho thấy "tư duy trực quan" của người làm nghề lồng đèn ở Hội An. Trong khi đó, những TNNN được cấu tạo theo phương thức định danh gián tiếp tuy không nhiều nhưng thể hiện "tư duy dĩ nhân vi trung" của những người làm nghề lồng đèn. Kết quả của việc nghiên cứu phương thức định danh này cũng cho thấy ảnh hưởng của văn hóa nông nghiệp địa phương đến việc gọi tên đối tượng xuất hiện trong nghề. Như vậy, có thể thấy TNNN nghề làm lồng đèn tuy có cách thức định danh giống như TNNN một số ngành nghề khác nhưng cũng mang những dấu ấn văn hóa riêng. Do đó, các nhà giáo, nhà khoa học, nhà nghiên cứu,… cần lưu ý đến những yếu tố văn hóa này trong việc giảng dạy, phổ biến, biên soạn từ điển,… nhằm bảo vệ và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn

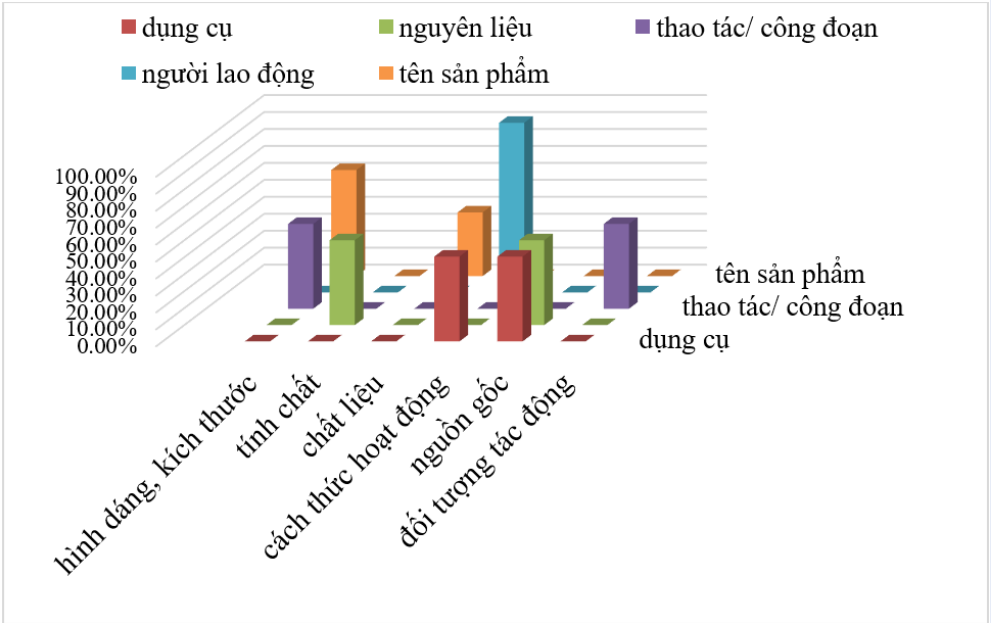

Hình 4: Đặc điểm định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn. Nguồn: [1]

hóa các nghề truyền thống nói chung, nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam nói riêng.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ ngữ nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam viết tắt là từ ngữ nghề làm lồng đèn.
Từ ngữ nghề nghiệp viết tắt là TNNN

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả tiến hành khảo sát từ ngữ nghề làm lồng đèn tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Sau đó tác giả phân tích tư liệu điều tra, khảo sát và viết bài nghiên cứu dưới góc độ ngôn ngữ học cấu trúc. Những kết luận được rút ra của bài nghiên cứu góp phần khẳng định mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thị Thu Hương. Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp ở Quảng Nam - Đà Nẵng [Luận án Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học]. Học viện Khoa học Xã hội; 2019;.
2. Lê Văn Trường. Từ ngữ nghề nghiệp nghề gốm Quế. In: Phương ngữ học tiếng Việt (phương ngữ Bắc Bộ). Tài liệu của Viện Ngôn ngữ học. Hà Nội. 2002;.
3. Hoàng Trọng Canh. Nghiên cứu từ ngữ và văn hóa nghề biển Thanh - Nghệ Tĩnh. Đề tài được tài trợ bởi Quỹ NAFOSTED, đã nghiệm thu; 2014;.
4. Nguyễn Văn Dũng. Từ ngữ nghề nghiệp nghề biển ở Thanh Hóa (Từ bình diện ngôn ngữ - văn hóa) [Luận án Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học]. Đại học Vinh; 2016;.
5. Trần Hoàng Anh. Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp nghề cá vùng Đồng Tháp Mười. [cited 2017 May 2];Available from: http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/nghien-cuu-sinh/thong-tin-luan-an-tien-si/seo/luan-an-tien-si-cua-ncs-tran-hoang-anh-chuyen-nganh-ngon-ngu-viet-nam-74166.
6. Võ Văn Hòe, Hoàng Hương Việt, Bùi Văn Tiếng. Nghề và làng nghề truyền thống đất Quảng. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin; 2012;.
7. Nguyễn Đức Tồn. Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội; 2008;.
8. Ngô Thị Thu Hương. Đặc điểm định danh của từ ngữ nghề chạm khắc đá Non Nước. Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam. 2023;1;.
9. Hoàng Phê, chủ biên. Từ điển tiếng Việt. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng; 2006;.

Science & Technology Development Journal – Social Sciences & Humanities 2024, 8(3):2632-2640

Open Access Full Text Article

Research Article

The denominative characteristics in professional jargon of lantern making in Hoi An city, Quang Nam province

Ngo Thi Thu Huong*

ABSTRACT

The research examines the denominative characteristics in professional jargon of lantern making in Hoi An, Quang Nam province, from the perspective of structural linguistics. The method used in the study involves descriptive statistical analysis and data modeling. The research findings indicate the following: 1) In terms of structural model, the professional jargon in lantern making primarily has a complex denomination structure model (basic element + 1-level denominative element). This demonstrates a greater need for distinguishing between objects rather than detailing the objects involved in lantern making. 2) In terms of denominative method, the professional jargon in lantern making primarily uses direct denomination methods with characteristics inherent to the objects that appear in the profession (characteristics of shape and size have the greatest number). This reflects the visual thinking of lantern craftsmen when they use attributes that can be recognized through sight to denominate objects in the craft. There are not many terms that use indirect denomination methods, which are formed using metaphors or metonymies related to characteristics of humans' body parts and objects associated with the local agricultural culture. In summary, this research has found structural models and denominative methods in professional jargons of lantern making in Hoi An city, Quang Nam province. On the one hand, these research findings demonstrated the visual thinking and the egocentric thinking of lantern craftsmen. On the other hand, these research findings also demonstrated that the local agricultural culture influenced the way of denomination in professional jargons of lantern craftsmen here.

Key words: denominative characteristics, denomination structure, denomination methods, professional jargons, lantern making

Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia, Vietnam

Correspondence

Ngo Thi Thu Huong, Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia, Vietnam

Email: ngohuong.vtd@gmail.com

History

- Received: 01-3-2024
- Revised: 06-9-2024
- Accepted: 23-9-2024
- Published Online: 30-9-2024

DOI :

https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i3.994

Check for updates

Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

VNUHCM PRESS

Cite this article : Huong N T T. **The denominative characteristics in professional jargon of lantern making in Hoi An city, Quang Nam province**. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024, 8(3):2632-2640.